

Số:168/QĐ-THCSTHPTQL

Vân Đồn, ngày 08 tháng 10 năm 2026

THÔNG BÁO

**Về việc công bố công khai tình hình thực hiện dự toán thu – chi ngân sách
Quý III năm 2026 của Trường THCS và THPT Quan Lạn**

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 600/QĐ-SGDĐT ngày 28/7/2026 Về việc điều chỉnh dự toán ngân sách tỉnh năm 2026 của các đơn vị thuộc và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 640/QĐ-SGDĐT ngày 31/7/2026 Về việc điều chỉnh dự toán ngân sách tỉnh năm 2026 của các đơn vị thuộc và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 757/QĐ-SGDĐT ngày 26/8/2026 Về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ: Mua sắm, lắp đặt thiết bị điều hoà nhiệt độ cho các đơn vị thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Bảng đối chiếu dự toán kinh phí NSNN Quý III năm 2026 của Trường THCS và THPT Quan Lạn;

Xét đề nghị của bộ phận Kế toán Trường THCS và THPT Quan Lạn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách Quý III năm 2026, của Trường THCS&THPT Quan Lạn (theo mẫu biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận kế toán và các tổ chuyên môn, văn phòng, các cá nhân có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Công TTĐT;
- Điều 3;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Văn Hà

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH 03 THÁNG (QUÝIII) NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định số: 168/QĐ-THCSTHPTQL ngày 08 tháng 10 năm 2026)

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 03 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Trường THCS và THPT Quan Lạn công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 03 tháng Quý III năm 2026 như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán năm 2026	Ước thực hiện 3/6/9 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự	Ước thực hiện quý (3/6/9 tháng,
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước		4.476		
I	Nguồn ngân sách trong nước		4.476		
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	15.875	4.476	28%	125%
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	9.764	2.611	27%	86%
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	6.111	1.865	31%	180%

Văn Đồn, Ngày 08 tháng 10 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Văn Hà

Mã chương: 422

Đơn vị: Trường trung học cơ sở và trung học phổ thông Quan Lạn

Mã ĐVQHNS: 1032556

Mã cấp NS: 2

Kho bạc Nhà nước giao dịch: KBNN Khu vực III-PGD số 13

Mã hồ



Người ký: Phạm Trọng Tuệ
Ngày ký: 05/10/2026 08:26:06
Chức danh: Trưởng phòng
Số 13
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đối
chiếu xác nhận số dư

Mẫu số 28

Ký hiệu: 02a-SDKP/ĐVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Quý 3 /Năm 2026

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn ngân sách nhà nước	Mã ngành kinh tế	Mã nội dung kinh tế	Mã chương trình mục tiêu, dự án	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	12	074	6051	00000	0	0	221.125.740	352.540.140	221.125.740	352.540.140
Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ	12	074	6105	00000	0	0	209.837.054	209.837.054	209.837.054	209.837.054
Phụ cấp ưu đãi nghề	12	074	6112	00000	0	0	65.495.900	65.495.900	65.495.900	65.495.900
Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	12	074	6157	00000	0	0	0	2.250.000	0	2.250.000
Bảo hiểm xã hội	12	074	6301	00000	0	0	12.077.208	34.417.656	12.077.208	34.417.656
Bảo hiểm y tế	12	074	6302	00000	0	0	2.131.272	6.073.704	2.131.272	6.073.704
Bảo hiểm thất nghiệp	12	074	6304	00000	0	0	710.424	2.024.568	710.424	2.024.568
Các khoản đóng góp khác	12	074	6349	00000	0	0	355.212	1.012.284	355.212	1.012.284
Chi khác	12	074	6449	00000	0	0	220.000.000	1.135.000.000	220.000.000	1.135.000.000
Tiền điện	12	074	6501	00000	0	0	10.383.206	10.383.206	10.383.206	10.383.206
Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	12	074	6552	00000	0	0	57.600.000	57.600.000	57.600.000	57.600.000
Vật tư văn phòng khác	12	074	6599	00000	0	0	45.278.400	45.278.400	45.278.400	45.278.400

Thuê lao động trong nước	12	074	6757	00000	0	0	82.500.000	247.500.000	82.500.000	247.500.000
Nhà cửa	12	074	6907	00000	0	0	134.460.000	134.460.000	134.460.000	134.460.000
Đường điện, cấp thoát nước	12	074	6921	00000	0	0	11.541.145	11.541.145	11.541.145	11.541.145
Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	12	074	6949	00000	-40.000.000	0	40.000.000	79.000.000	0	79.000.000
Tài sản và thiết bị văn phòng	12	074	6955	00000	0	0	0	71.000.000	0	71.000.000
Trang thiết bị, máy móc phục vụ chuyển đổi số	12	074	6959	00000	0	0	0	25.000.000	0	25.000.000
Tài sản và thiết bị khác	12	074	6999	00000	0	0	333.000.000	711.750.000	333.000.000	711.750.000
Chi mua hàng hóa, vật tư	12	074	7001	00000	0	0	6.900.000	6.900.000	6.900.000	6.900.000
Chi khác	12	074	7049	00000	0	0	75.000.000	75.000.000	75.000.000	75.000.000
Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin	12	074	7053	00000	-9.000.000	0	9.000.000	9.000.000	0	9.000.000
Chi bảo hiểm tài sản và phương tiện	12	074	7757	00000	0	0	0	26.128.752	0	26.128.752
Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ	12	074	7766	00000	0	0	376.350.000	376.350.000	376.350.000	376.350.000
Lương theo ngạch, bậc	13	074	6001	00000	0	0	998.540.400	2.806.518.000	998.540.400	2.806.518.000
Phụ cấp chức vụ	13	074	6101	00000	0	0	20.493.000	55.242.000	20.493.000	55.242.000
Phụ cấp khu vực	13	074	6102	00000	0	0	123.970.000	348.610.000	123.970.000	348.610.000
Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ	13	074	6105	00000	0	0	53.155.744	53.155.744	53.155.744	53.155.744
Phụ cấp ưu đãi nghề	13	074	6112	00000	0	0	634.582.347	1.267.009.959	634.582.347	1.267.009.959
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	13	074	6113	00000	0	0	3.795.000	10.815.000	3.795.000	10.815.000
Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	13	074	6115	00000	0	0	169.994.112	466.955.081	169.994.112	466.955.081
Phụ cấp đặc biệt khác của ngành	13	074	6116	00000	0	0	306.823.473	861.495.153	306.823.473	861.495.153
Tiền y tế trong các cơ quan, đơn vị	13	074	6254	00000	0	0	0	31.750.800	0	31.750.800
Chi khác	13	074	6299	00000	0	0	0	243.000.000	0	243.000.000
Bảo hiểm xã hội	13	074	6301	00000	0	0	202.134.677	564.715.851	202.134.677	564.715.851
Bảo hiểm y tế	13	074	6302	00000	0	0	35.670.826	99.655.738	35.670.826	99.655.738
Bảo hiểm thất nghiệp	13	074	6304	00000	0	0	11.890.275	33.218.578	11.890.275	33.218.578
Các khoản đóng góp khác	13	074	6349	00000	0	0	5.945.137	16.609.290	5.945.137	16.609.290
Chi khác	13	074	6449	00000	0	0	10.576.800	10.576.800	10.576.800	10.576.800

Tiền điện	13	074	6501	00000	0	0	12.889.498	60.688.051	12.889.498	60.688.051
Văn phòng phẩm	13	074	6551	00000	0	0	0	6.085.000	0	6.085.000
Khoán văn phòng phẩm	13	074	6553	00000	0	0	0	8.220.000	0	8.220.000
Vật tư văn phòng khác	13	074	6599	00000	0	0	0	5.786.400	0	5.786.400
Cước phí điện thoại (không bao gồm khoán điện thoại), <u>thuê bao đường điện thoại, fax</u>	13	074	6601	00000	0	0	133.480	357.547	133.480	357.547
Thuê bao kênh vệ tinh, thuê bao cáp truyền hình, cước phí <u>Internet, thuê đường truyền mạng</u>	13	074	6605	00000	0	0	2.094.000	7.999.000	2.094.000	7.999.000
Phim ảnh, ấn phẩm truyền thông, sách, báo, tạp chí thư viện	13	074	6608	00000	0	0	1.555.200	2.401.600	1.555.200	2.401.600
Khác	13	074	6649	00000	0	0	0	2.916.000	0	2.916.000
Tiền vé máy bay, tàu, xe	13	074	6701	00000	0	0	0	18.838.000	0	18.838.000
Phụ cấp công tác phí	13	074	6702	00000	0	0	0	30.800.000	0	30.800.000
Tiền thuê phòng ngủ	13	074	6703	00000	0	0	0	33.000.000	0	33.000.000
Thuê đào tạo lại cán bộ	13	074	6758	00000	0	0	10.000.000	10.000.000	10.000.000	10.000.000
Các thiết bị công nghệ thông tin	13	074	6912	00000	0	0	648.000	3.756.055	648.000	3.756.055
Chi khác	13	074	7049	00000	0	0	5.779.400	5.779.400	5.779.400	5.779.400
Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin	13	074	7053	00000	0	0	0	10.000.000	0	10.000.000
Cộng:					-49.000.000	0	4.524.416.930	10.771.497.856	4.475.416.930	10.771.497.856
Phần KBNN ghi:										

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 5 tháng 10 năm 2026

Kế toán

Kiểm soát

(Ký tên)

(Ký tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ GIAO DỊCH

Ngày 2 tháng 10 năm 2026

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi họ tên)

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Lương Thị Bích Liên

Người ký: Phạm Trọng Tuệ
Ngày ký: 05/10/2026 08:26:06
Chức danh: Trưởng phòng
Đơn vị: KBRN Khu vực III-PGD số 13

Phạm Trọng Tuệ

Người ký: Bùi Thị Lưu
Ngày ký: 02/10/2026 11:11:58
Đơn vị: Trường trung học cơ sở và trung học phổ thông Quan Lạn

Bùi Thị Lưu

Người ký: Nguyễn Văn Hà
Ngày ký: 02/10/2026 15:27:04
Đơn vị: Trường trung học cơ sở và trung học phổ thông Quan Lạn

Nguyễn Văn Hà

Mã chương: 422

Đơn vị: Trường trung học cơ sở và trung học phổ thông Quan Lạn

Mã ĐVQHNS: 1032556

Mã cấp NS: 2

Kho bạc Nhà nước giao dịch: KBNN Khu vực III-PGD số 13

Mã hồ sơ: DCSD2



Người ký: Phạm Trọng Tuệ
Ngày ký: 05/10/2026 08:26:06
Chức danh: Trưởng phòng
Số 13 III-PGD
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đối
chiếu xác nhận số dư

Mẫu số 26

Ký hiệu: 01a-SDKP/ĐVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU DỰ TOÁN KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẰNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Quý 3 /Năm 2026

Mã nguồn ngân sách nhà nước	Mã ngành kinh tế	Mã chương trình mục tiêu, dự án	DT năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm	DT năm nay		DT được sử dụng trong năm	DT đã sử dụng		DT giữ lại	DT còn lại
					Trong kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo		Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo		
A	B	C	1	2	3	4	5=1+4	6	7	8	9=5-7
12	074	00000	0	4.806.000.000	749.998.000	5.756.000.000	5.756.000.000	1.864.745.561	3.695.542.809	0	2.060.457.191
13	074	00000	0	9.572.000.000	191.550.000	9.763.550.000	9.763.550.000	2.610.671.369	7.075.955.047	0	2.687.594.953
18	074	00000	0	355.000.000	0	355.000.000	355.000.000	0	0	0	355.000.000
28	074	00000	0	0	0	0	0	0	0	101.450.000	0
Cộng:			0	14.733.000.000	941.548.000	15.874.550.000	15.874.550.000	4.475.416.930	10.771.497.856	101.450.000	5.103.052.144
Phần KBNN ghi:											

Ghi chú: KBNN chi ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 5 tháng 10 năm 2026

Kế toán

(Ký tên)

Kiểm soát

(Ký tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ GIAO DỊCH

Ngày 2 tháng 10 năm 2026

Kế toán trưởng

(Ký, ghi họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Lương Thị Bích Liên

Người ký: Phạm Trọng Tuệ
Ngày ký: 05/10/2026 08:26:06
Chức danh: Trưởng phòng
Đơn vị: KERN Khu vực II-PCGD số 13

Phạm Trọng Tuệ

Người ký: Bùi Thị Lưu
Ngày ký: 02/10/2026 11:11:58
Đơn vị: Trường trung học cơ sở và trung học phổ thông Quan Lan

Bùi Thị Lưu

Người ký: Nguyễn Văn Hà
Ngày ký: 02/10/2026 15:27:04
Đơn vị: Trường trung học cơ sở và trung học phổ thông Quan Lan

Nguyễn Văn Hà

BIÊN BẢN

**Niêm yết công khai tình hình thực hiện thu, chi ngân sách Quý III
Năm 2026**

I. Thời gian: Vào hồi 14 giờ 30 phút ngày 08 tháng 10 năm 2026

II. Địa điểm: Trường THCS và THPT Quan Lạn, Thôn Quan Lạn 1, Đặc khu Vân Đồn, Thành phố Quảng Ninh.

III. Thành phần:

1. Người có trách nhiệm niêm yết

Ông: Nguyễn Văn Hà - Hiệu trưởng

2. Người chứng kiến

Ông: Hoàng Mạnh Việt - Phó Hiệu trưởng

Ông: Dương Tân Phong - Phó Hiệu trưởng

Ông: Hoàng Thúc Khiêm – Tổ trưởng tổ tự nhiên

Ông: Nguyễn Hữu Phi – Tổ trưởng tổ xã hội

Bà: Bùi thị Lưu – Nhân viên Kế toán

IV. Nội dung:

Trường THCS và THPT Quan Lạn lập biên bản niêm yết công khai:

Nội dung niêm yết công khai:

1. Công khai tình hình thực hiện thu, chi ngân sách Quý III năm 2026.

2. Các giấy tờ, hồ sơ niêm yết công khai gồm:

- Quyết định số: 168/QĐ-THCSTHPTQL ngày 08/10/2026

- Biểu số 75 công khai tình hình thực hiện thu, chi ngân sách Quý III năm 2026.

- Mẫu số 26, 28 đối chiếu quý III với Kho bạc

- Số văn bản niêm yết: 04

3. Hình thức công khai: Niêm yết tại phòng Hội đồng và bản tin nhà trường.

4. Thời gian niêm yết tại trụ sở làm việc: Từ ngày 08 tháng 10 năm 2026 đến hết ngày 08/12/2026.

Biên bản lập xong vào hồi 14 giờ 55 phút cùng ngày, đã đọc cho các thành viên nghe và thống nhất ký biên bản./.

Chữ ký của các thành viên trong Hội đồng:

Hoàng Mạnh Việt

Dương Tân Phong

Hoàng Thúc Khiêm:

Nguyễn Hữu Phi:

Bùi Thị Lưu:

Người có trách nhiệm niêm yết

Nguyễn Văn Hà